

BÀN VỀ TỘI PHẠM RÕ, TỘI PHẠM ẨN TRONG TỘI PHẠM HỌC

TS. DƯƠNG TUYẾT MIÊN *

“Tội phạm rõ” (cleared crime) và “tội phạm ẩn” (là dark figure of crime hoặc unreported crime) là những thuật ngữ thuộc chuyên ngành tội phạm học. Trong lí luận cũng như thực tiễn phòng ngừa tội phạm, việc xác định tội phạm rõ, tội phạm ẩn có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Bởi vì để có cái nhìn khách quan và tương đối toàn diện về thực trạng của tình hình tội phạm, trước hết cần phải đồng thời dựa vào số liệu về tội phạm rõ và số liệu về tội phạm ẩn. Sở dĩ phải có sự kết hợp này vì không phải mọi tội phạm xảy ra trên thực tế đều bị phát hiện và xử lí về hình sự. Có khá nhiều tội phạm xảy ra trên thực tế nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau nên không bị phát hiện và do vậy không bị xử lí về hình sự. Vì vậy, việc nhận thức đúng và thống nhất về tội phạm rõ, tội phạm ẩn có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong công tác thống kê tội phạm cũng như đánh giá được ở mức độ tương đối về thực trạng tội phạm ẩn, từ đó giúp cho cơ quan có thẩm quyền có được cái nhìn tương đối toàn diện về tình hình tội phạm, trên cơ sở đó xây dựng được biện pháp phòng ngừa tội phạm sát với thực tế.

1. Tội phạm rõ⁽¹⁾

Hiện nay, nhìn chung, đa phần các tài liệu tội phạm học lưu hành ở Việt Nam đều cho rằng tội phạm rõ là tội phạm đã bị điều tra, truy tố, xét xử về hình sự và có trong thống kê hình sự. Như vậy, thời điểm để xác

định tội phạm rõ là khi tội phạm bị đưa ra xét xử về hình sự và có trong thống kê hình sự hay nói cách khác, con số về tội phạm được thống kê chính thức bởi cơ quan toà án là tội phạm rõ. Số liệu này được cơ quan toà án thống kê hàng năm. Sở dĩ có quan điểm về thời điểm xác định tội phạm rõ như vậy là vì các tài liệu này đều cho rằng thống kê xét xử hình sự của toà án có tính chính xác cao, ổn định vì đây là giai đoạn cuối cùng của quá trình chứng minh. Mặt khác, thực tế cũng cho thấy số người bị toà án xử oan là hãn hữu.

Tuy nhiên, tác giả lại có quan điểm khác về tội phạm rõ mà thực chất chính là thời điểm để xác định tội phạm rõ. Thời điểm được coi là tội phạm rõ khá sớm, ngay từ khi cơ quan cảnh sát nhận được tin báo về tội phạm và có sự xác nhận của cơ quan cảnh sát hoặc cơ quan áp dụng pháp luật khác là hành vi đó vi phạm luật hình sự.

Xác định tội phạm rõ phải dựa trên thông số về số vụ án xảy ra trên thực tế (chứ không phải là số vụ án bị đưa ra xét xử trên thực tế) và chỉ khi làm như vậy mới phản ánh chính xác về thực trạng của tình hình tội phạm. Thông số về số vụ án xảy ra trên thực tế được lưu trữ ở cơ quan cảnh sát là đầy đủ nhất vì thông thường, khi có tội phạm xảy ra, người dân thường báo cho cơ quan cảnh sát biết. Khi xác nhận là cơ tội phạm, cơ quan

Giảng viên chính Khoa luật hình sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

cảnh sát sẽ lập hồ sơ. Thống kê của cơ quan cảnh sát phản ánh đầy đủ, bao quát hơn số liệu xét xử hình sự của toà án vì nhân tố quan trọng nhất phản ánh thực trạng của tình hình tội phạm chính là số vụ án hình sự xảy ra trên thực tế. Bởi vì, không phải mọi vụ án xảy ra thì các cơ quan chức năng đều truy tìm ra thủ phạm và tất cả các bị cáo đều bị đưa ra xét xử. Thực tế cho thấy số vụ án hình sự xảy ra so với số vụ án hình sự đã tìm ra thủ phạm và bị đưa ra xét xử có độ chênh khá lớn. Con số vụ án hình sự tìm ra thủ phạm và bị đưa ra xét xử chiếm tỉ lệ thấp hơn nhiều so với con số vụ án hình sự xảy ra trên thực tế. Do vậy, nếu đánh giá tình hình tội phạm mà chỉ dựa vào số liệu xét xử của toà án thì chắc chắn phản ánh không đúng vì thực chất nó chỉ phản ánh phần nổi của tảng băng chìm. Đó là chưa kể đến số liệu xét xử của toà án về số vụ, bị cáo sẽ không thể "khớp" về thời gian so với số vụ, bị cáo xảy ra trên thực tế bởi vì nhiều vụ phạm tội xảy ra thời gian khá lâu, sau đó người phạm tội mới bị đưa ra xét xử; hoặc tuy có phát hiện ra thủ phạm nhưng do khách quan, án bị tồn đọng và xét xử chậm.⁽²⁾ Ví dụ: vụ cướp tài sản xảy ra vào năm 2002 nhưng mãi đến tận năm 2007 nhóm phạm tội mới bị bắt, bị đưa ra xét xử vào cuối năm 2007 và như vậy sẽ có trong số liệu xét xử của năm 2007. Như vậy, đây là vụ án bị xét xử vào năm 2007 chứ không phải là xảy ra vào năm 2007. Nếu dùng số liệu này làm tội phạm rõ để đánh giá về thực trạng của tình hình tội cướp xảy ra vào năm 2007 thì sẽ không logic nếu như không muốn nói là phản ánh sai lệch về tình hình tội cướp năm 2007 (bởi vì thực chất, vụ án xảy ra vào năm 2002).

Như vậy, nếu dựa vào số liệu của cơ quan cảnh sát thì việc đánh giá sẽ chính xác hơn (tuy chỉ là tương đối) vì cho dù chưa đưa vụ án ra xét xử do không bắt được người phạm tội nhưng cơ quan cảnh sát vẫn có được số liệu về vụ phạm tội xảy ra (trong khi đó, số liệu này không có trong thống kê của toà án). Còn nếu dựa vào số liệu tội phạm bị phát hiện và bị xét xử về hình sự có trong thống kê hình sự của toà án thì thực chất số liệu này đã bỏ bớt một phần đáng kể số vụ án có thật trên thực tế, nghĩa là số liệu này chỉ phản ánh được phần nào thực trạng của tình hình tội phạm. Tuy nhiên cũng cần lưu ý là số liệu của cơ quan cảnh sát vẫn có hạn chế. Đó là trong một số ít trường hợp, có một số cá nhân bị cơ quan cảnh sát xác định là có tội nhưng sau đó kết luận của toà án lại khẳng định họ vô tội hoặc họ phạm tội khác, không phải là tội phạm theo kết luận của cơ quan cảnh sát. Ở đây đã có sự sai số về người phạm tội hoặc số tội phạm thực hiện (nhưng thực tế cho thấy sự sai số này là không đáng kể). Tuy nhiên, cho dù có thể có sự sai số về người phạm tội trong một số ít trường hợp thì so với số liệu của toà án, số liệu thống kê của cơ quan cảnh sát vẫn đầy đủ hơn vì nó bao hàm cả những vụ có thật xảy ra trên thực tế nhưng chưa truy tìm ra thủ phạm và do vậy chưa bị đưa ra xét xử; hoặc những vụ người phạm tội tuy có tội nhưng sau đó được viện kiểm sát xác định miễn trách nhiệm hình sự.

Mặc dù số liệu xét xử của toà án có hạn chế nhất định như đã phân tích ở trên nhưng khi đánh giá về thực trạng của tình hình tội phạm vẫn cần tham khảo số liệu này để thấy rõ sự chênh lệch về số vụ án xảy ra trên thực

tế và số vụ án bị đưa ra xét xử hình sự. Từ đó, cơ quan chức năng sẽ đánh giá về hiệu quả hoạt động của mình để có những cải cách cần thiết thúc đẩy công tác phát hiện tội phạm cũng như hoạt động điều tra, truy tố, xét xử có hiệu quả. Qua nghiên cứu tài liệu tội phạm học nước ngoài, tác giả nhận thấy các tài liệu này đều sử dụng số liệu của cơ quan cảnh sát để minh chứng về tội phạm rõ và không hề dùng số liệu của toà án.⁽³⁾ Ví dụ, theo GS.TS. Jock Yong: “*có 4 nguồn thông tin là cơ sở để xác định tội phạm trong xã hội. Đó là:*

- Số liệu từ cơ quan cảnh sát;
- Số liệu từ cuộc điều tra nạn nhân của tội phạm;
- Số liệu từ cuộc điều tra về tội phạm tư tưởng thuật;
- Các số liệu khác (ví dụ số liệu về các nạn nhân của vụ tai nạn giao thông được điều trị tại bệnh viện)”.⁽⁴⁾

Trong các nguồn trên thì số liệu của cơ quan cảnh sát được sử dụng để minh chứng về tội phạm rõ. Ba nguồn còn lại dùng để xác định tội phạm ẩn.

Còn theo GS.TS. Frank Schmalleger: “*số liệu về tội phạm ở Mỹ được xác định trên cơ sở 2 nguồn:*⁽⁵⁾

- Số liệu từ Cục điều tra liên bang Mỹ (FBI).
- Số liệu từ Cục thống kê tư pháp” .

Số liệu của Cục điều tra liên bang Mỹ được sử dụng để minh chứng về tội phạm rõ. Còn Cục thống kê tư pháp sẽ tiến hành cuộc điều tra quốc gia về nạn nhân của tội phạm hàng năm để xác định tội phạm ẩn.

Từ sự phân tích ở trên, tác giả cho rằng nên thay đổi quan điểm coi số liệu từ toà án làm căn cứ để mô tả tội phạm rõ, chúng ta nên lấy số liệu của cơ quan cảnh sát thì hợp

lí hơn, phù hợp hơn với xu thế các nước vẫn sử dụng để xác định tội phạm rõ.

2. Tội phạm ẩn

Thuật ngữ “tội phạm ẩn” do Adolphe Quetelet - nhà toán học, xã hội học của Bỉ đưa ra lần đầu tiên vào năm 1830 (Adolphe Quetelet còn là nhà sáng lập ra khoa học thống kê hiện đại). Chính ông là người đầu tiên đưa ra thuật ngữ “dark figure of crime”.⁽⁶⁾

Nghiên cứu về thực trạng của tình hình tội phạm không chỉ dựa vào con số về tội phạm rõ mà còn phải dựa vào việc đánh giá về tội phạm ẩn bởi vì số liệu tội phạm rõ chỉ phản ánh được phần nào tình hình tội phạm.

Theo GS.TS. Tymothy Mason, số lượng tội phạm ẩn lớn hơn 6 đến 10 lần tội phạm rõ.⁽⁷⁾ Còn theo cuộc điều tra về tội phạm ẩn ở Anh tiến hành năm 2000, tội phạm ẩn chiếm khoảng 70% tổng số vụ phạm tội.⁽⁸⁾ Điều này có nghĩa là số lượng tội phạm “nằm trong bóng tối” không bị trừng trị bởi pháp luật chiếm tỉ lệ đáng kể trong tổng số tội phạm.

Qua nghiên cứu tài liệu tội phạm học nước ngoài, tác giả nhận thấy nhìn chung các tài liệu này có quan điểm này tương đối giống nhau khi quan niệm về tội phạm ẩn. Cụ thể như sau: “*Tội phạm ẩn là những tội phạm có thực nhưng không được tường thuật với cảnh sát*”.⁽⁹⁾

“*Tội phạm ẩn là số lượng lớn tội phạm không được tường thuật với cảnh sát và không có trong thống kê hình sự chính thức*”.⁽¹⁰⁾

Như vậy, có thể thấy rõ các quan niệm về tội phạm ẩn của tội phạm học nước ngoài đã nhấn mạnh tới hai đặc tính của nó. Đó là:

- + Chưa được tường thuật;
 - + Không có trong thống kê hình sự chính thức.
- Quan điểm của tội phạm học trong nước

nhìn chung có điểm khác với quan điểm của tội phạm học nước ngoài.

Ví dụ: “Tội phạm ản là toàn bộ các tội phạm cụ thể thực tế đã xảy ra và số lượng người thực hiện các tội phạm đó chưa bị phát hiện và xử lý về hình sự, vì vậy nó không có trong thống kê hình sự.”⁽¹¹⁾

“Tội phạm ản là số lượng tội phạm đã được thực hiện nhưng chưa bị phát hiện vì lý do nào đó.”⁽¹²⁾

Cả hai quan điểm trên đều chưa nhấn mạnh tới đặc trưng rất quan trọng của tội phạm ản - đó là chưa được tường thuật với cơ quan cảnh sát.

Tác giả cho rằng tội phạm ản cần được hiểu như sau: Tội phạm ản là số lượng tội phạm đã thực hiện trên thực tế nhưng không được tường thuật với cơ quan cảnh sát hoặc chưa bị phát hiện bởi cơ quan có thẩm quyền và do vậy chưa bị đưa ra xét xử, chưa có trong thống kê hình sự chính thức.

Có 2 loại tội phạm ản, đó là tội phạm ản khách quan và tội phạm ản chủ quan.

Tội phạm ản khách quan là trường hợp tội phạm đã xảy ra trên thực tế nhưng do nguyên nhân khách quan, cơ quan chức năng không phát hiện ra vụ phạm tội - không có thông tin về vụ án (*ví dụ*: nạn nhân đã bị giết chết trong rừng và người phạm tội đã che giấu bằng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt và không có người chứng kiến vụ việc).

Tội phạm ản chủ quan là trường hợp tội phạm đã xảy ra trên thực tế, cán bộ hoặc cơ quan chức năng đã nắm được vụ việc nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau mà vụ án không được thụ lý, xử lý hình sự và do đó không có trong số liệu thống kê. *Ví dụ*: cán bộ điều tra đã được người dân báo về vụ

phạm tội nhưng do nhận hối lộ của người phạm tội nên cơ quan điều tra chỉ lập hồ sơ xử lý hành chính (có ý làm giảm mức độ sai phạm của hành vi để xử lý hành chính); hoặc cán bộ điều tra đã được người dân báo về vụ phạm tội nhưng không lập hồ sơ xử lý hình sự mà lại đứng ra làm trung gian xúc tiến việc bồi thường của người phạm tội đối với nạn nhân hoặc gia đình nạn nhân để nạn nhân hoặc gia đình nạn nhân rút đơn (vì vậy, vụ việc không được lập hồ sơ, vào sổ sách).

Trên diễn đàn khoa học, có ý kiến cho rằng ngoài 2 loại tội phạm ản nói trên còn có tội phạm ản thống kê - trường hợp tội phạm đã bị phát hiện và đưa ra xét xử về hình sự nhưng không có trong thống kê hình sự chính thức.⁽¹³⁾ Tác giả cho rằng tội phạm ản thống kê thực chất vẫn là tội phạm rõ vì khi đã đưa ra xét xử rồi thì đương nhiên phải là tội phạm rõ, còn việc thông số về vụ án không có trong số liệu thống kê chính thức của toà án là do nhiều nguyên nhân khác nhau. Xin nêu một số nguyên nhân:

- Kỹ thuật thống kê còn hạn chế (ví dụ nếu trong vụ án, bị cáo bị xét xử về nhiều tội thì thống kê ở nước ta hiện nay chỉ thống kê số liệu về tội nặng nhất trong vụ án);

- Do bệnh thành tích nên có địa phương không đưa một số vụ án vào số liệu thống kê.

- Do sai sót của cán bộ thống kê (trình độ chuyên môn hạn chế hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm nên thống kê thiếu, không đầy đủ).

Do đó, tác giả cho rằng trường hợp vụ án đã bị xét xử về hình sự nhưng không có trong số liệu thống kê của toà án gọi là sai số thống kê thì hợp lý hơn.

Nguyên nhân dẫn tới tội phạm ản có nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng có thể

chia làm 4 nhóm:

- Nguyên nhân từ phía nạn nhân của tội phạm: Nạn nhân không tố cáo về vụ phạm tội có thể là do:

+ Bị người phạm tội (hoặc người nhà người phạm tội) đe dọa;

+ Không tin tưởng vào cơ quan bảo vệ pháp luật;

+ Sợ phiền hà hoặc sợ công khai bí mật đời tư...

- Nguyên nhân từ phía người phạm tội: Người phạm tội thực hiện tội phạm bằng thủ đoạn quá tinh vi xảo quyệt hoặc người phạm tội đã đe dọa nạn nhân, người làm chứng hoặc người phạm tội đã đưa hối lộ cho người có chức vụ quyền hạn...

- Nguyên nhân từ phía cơ quan chức năng: Thiếu tinh thần trách nhiệm, cán bộ có hành vi nhận hối lộ để không xử lý vụ việc hoặc do nể nang, quen biết nên bao che không xử lý vụ việc...

- Nguyên nhân từ phía người làm chứng: Người làm chứng không dám tố cáo hoặc đứng ra làm chứng vụ việc do nhiều nguyên nhân khác nhau như: sợ bị trả thù, sợ liên lụy khó khăn cho bản thân, quen biết hoặc là người thân của người phạm tội...

Để xác định tội phạm ẩn, các nhà tội phạm học trên thế giới thường tiến hành hai phương pháp điều tra sau đây:

- Điều tra về tội phạm tự tường thuật (offender self-report surveys): Ở các nước có nền tội phạm học phát triển như Anh, Mỹ, Australia, điều tra về tội phạm tự tường thuật được tiến hành hàng năm. Để tiến hành các cuộc điều tra loại này, các nhà nghiên cứu phải cam kết giữ bí mật danh tính của người tham gia tự tường thuật về tội phạm đã thực

hiện, đảm bảo để họ không phải lo lắng về sự tiết lộ thông tin với người tiến hành điều tra cũng như không sợ hãi sẽ bị bắt giữ và bị xử lý về hình sự do đã thực hiện tội phạm. Đối tượng mà các nhà nghiên cứu hướng tới thường là những người trẻ tuổi vì đây là nhóm có nguy cơ phạm tội cao. Kết quả thu được từ điều tra về tội phạm tự tường thuật cho thấy số tội phạm xảy ra trên thực tế cao hơn rất nhiều so với số tội phạm có trong thống kê chính thức. Bên cạnh đó, các nhà nghiên cứu còn biết được một số vấn đề khác không thể có được trong thống kê chính thức của cơ quan thống kê như những nhân tố tiêu cực tác động đến việc gây ra tội phạm. Đồng thời, "bức tranh" về tội phạm đã sáng tỏ hơn khi kết hợp xem xét, đánh giá cả số liệu về tội phạm rõ cũng như số liệu tội phạm ẩn đã xảy ra.

Tuy nhiên, phương pháp này cũng có một số hạn chế. Cụ thể là do đối tượng được nghiên cứu thường nhằm vào người trẻ tuổi - diện nghiên cứu còn chưa rộng và sự tự tường thuật của một số người có thể không trung thực hoặc do tội phạm xảy ra đã lâu so với thời điểm tự tường thuật, do vậy có thể đưa tới kết quả nghiên cứu chỉ mang tính chính xác tương đối.

- Điều tra về nạn nhân của tội phạm (the victimization survey): Ở các nước có nền tội phạm học phát triển như Anh, Mỹ, Australia, điều tra về nạn nhân của tội phạm được tiến hành hàng năm. Với loại điều tra này, nhà nghiên cứu cũng phải cam kết giữ bí mật danh tính của nạn nhân tham gia tự tường thuật bởi vì sự tiết lộ danh tính của họ trong nhiều trường hợp có thể gây bất lợi cho nạn nhân (nhất là đối với nạn nhân của nhóm tội phạm tình dục, tội phạm bạo lực gia đình).

Điều cần chú ý là việc thiết kế mẫu điều tra về nạn nhân của tội phạm phải khác với mẫu điều tra về tội phạm tự tường thuật vì đây là những đối tượng nghiên cứu khác nhau.

Hạn chế của phương pháp này là không phải nạn nhân nào cũng tường thuật đúng sự thật do e ngại bị ảnh hưởng đến đời sống riêng tư hoặc do thái độ bất hợp tác... Mặt khác, diện nghiên cứu của phương pháp này có thể không bao quát được hết tất cả các nạn nhân của tội phạm, do vậy kết quả nghiên cứu theo phương pháp này cũng chỉ có tính chính xác tương đối. Bên cạnh đó còn có một số tội phạm không có nạn nhân, do vậy, trường hợp này không thể tiến hành phương pháp điều tra về nạn nhân của tội phạm. Nhưng phương pháp điều tra về nạn nhân của tội phạm đã giúp cho các nhà tội phạm học đánh giá chính xác hơn về tội phạm ẩn cũng như nhận diện được rõ hơn bức tranh hiện thực về tội phạm - tình hình tội phạm.

Ngoài 2 phương pháp trên, để xác định tội phạm ẩn còn có thể dựa vào một số nguồn khác như: số liệu từ bệnh viện, trạm y tế để xác định tội phạm ẩn đối với một số tội như tội phạm giao thông, tội cố ý gây thương tích. Số liệu từ các trung tâm tư vấn, trợ giúp pháp lý, trung tâm hỗ trợ nạn nhân, nhà tạm lánh để xác định tội phạm ẩn đối với một số tội như nhóm tội phạm tình dục, tội phạm bạo lực gia đình./.

- (1). Một số tài liệu tội phạm học ở Việt Nam có sử dụng thuật ngữ "Phân hiện của tình hình tội phạm" hoặc "phân ẩn của tình hình tội phạm" là chưa chính xác vì qua nghiên cứu khá nhiều tài liệu tội phạm học nước ngoài, tác giả nhận thấy không có những thuật ngữ này.
- (2). Giáo trình tội phạm học của Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội có quan điểm tương tự với tác giả về

vấn đề này, xem: tr. 77, 78.

- (3). Trong các tài liệu tội phạm học nước ngoài, số liệu của toà án thường dùng để đánh giá "chỉ số tái phạm" - đánh giá về tỉ lệ người phạm tội bị kết án tù với số người sau khi mãn hạn tù lại tiếp tục phạm tội.
- (4). Xem: Bài giảng "*Extend of Crime*" của GS.TS. Jock Young, Nguồn: http://www.malcolmread.co.uk/Jock_Young/the_extent_of_crime.pdf ngày 21/8/2009. GS.TS. Jock Young là học giả người Anh nổi tiếng trên thế giới về tội phạm học, xã hội học. Trong sự nghiệp của mình, ông nhận được nhiều giải thưởng uy tín. Cụ thể là "Giải thưởng Sellin Glueck cho học giả quốc tế xuất sắc" của Hiệp hội tội phạm học Mỹ năm 1998; "Giải thưởng thành tựu suốt đời" năm 2003 theo sự phân hạng các nhà tội phạm học phê phán của Hiệp hội tội phạm học Mỹ.
- (5). Xem: GS.TS. Frank schmallegger, *Criminology Today*. Prentice Hall Publisher, 2002, tr. 36. GS.TS. Frank schmallegger là học giả nổi tiếng người Mỹ về chuyên ngành tội phạm học, xã hội học, hiện ông đang giảng dạy tại Trường đại học North Carolina at Pembroke của Mỹ.
- (6). Xem: "*The Dark Figure of British Crime*", Tạp chí City Journal, Spring 2009, Nguồn: <http://www.berlinski.com/node/116>
- (7). Xem: Bài giảng: "*Official statistics & the dark figure*", của S.Timothy Mason, Paris University, Nguồn: <http://www.deviance-2-official-statistics-&-the-dark-figure.htm> ngày 9/5/2006.
- (8). Xem: Bài giảng "*Extend of Crime*" của GS.TS. Jock Young, Nguồn: http://www.malcolmread.co.uk/Jock_Young/the_extent_of_crime.pdf ngày 21/8/2009.
- (9). Xem: Bài giảng "*Official statistics & the dark figure*" của S.Timothy Mason, Paris University, Nguồn: <http://www.deviance-2-official-statistics-&-the-dark-figure.htm> ngày 9/5/2006.
- (10). Xem: GS.TS. Frank Schmallegger, "*Criminology Today*", Prentice Hall Publisher, 2002, tr. 61.
- (11). Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình tội phạm học*, Nxb. CAND, Hà Nội, 2003, tr. 98.
- (12). Xem: Khoa luật - Đại học quốc gia Hà Nội, *Giáo trình tội phạm học*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 78.
- (13). Các tài liệu tội phạm học nước ngoài mà tác giả có điều kiện nghiên cứu chưa có tài liệu nào đề cập đến tội phạm ẩn thống kê.